

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 09/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị L, anh Đ (chị L, anh Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh N ngày 11/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng hay có mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Anh Đ có lần đánh, cầm dao đe dọa chị. Năm 2021 chị đã nộp đơn lên tòa án nhân dân huyện Ý Yên để nhờ tòa giải quyết ly hôn với anh Đ, tuy nhiên sau đó chị suy nghĩ lại, để cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn, cho anh Đ cơ hội sửa đổi tuy nhiên đến nay anh Đ vẫn không thay đổi, vẫn rượu chè, không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình, vợ con. Chị và anh Đ sống ly thân 03 tháng nay, nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Vũ Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/8/2015. Cháu T đã trưởng thành, tự lập có gia đình riêng nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu S. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Nguyễn Vũ Đ trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn anh đồng ý với quan điểm của chị L. Anh Đ xác định quá trình chung sống giữa anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi vã, anh cũng có động chân động tay, đánh chị L nhưng anh không cầm dao đe dọa như chị L trình bày. Năm 2021 chị L có nộp đơn ly hôn tại Tòa, tuy nhiên sau đây vợ chồng đã thống nhất cho nhau cơ hội để hàn gắn. Hiện nay anh và chị L sống ly thân nhau được hơn 01 tháng nay, anh Đ xác định vẫn còn tình cảm, thương yêu vợ, con, không muốn vợ chồng ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm, về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Giữa anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/8/2015. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, tự lập có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý để cháu S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/8/2015 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị nhưng anh chị không thống nhất được với nhau về nội dung vụ án nên Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị L, anh Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị L, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Đ đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Vũ Đ là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ xác định vẫn còn tình cảm, vẫn thương yêu vợ, con không muốn vợ chồng ly hôn. Tòa án đã hoà giải cho anh chị nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn anh Đ nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị L, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh Đ xác định anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/8/2015. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, tự lập có gia đình riêng nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh, chị thống nhất giao con chung cháu S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa nguyện vọng của cháu S cũng mong muốn được ở cùng chị L. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cháu Nguyễn Thị S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Vũ Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/8/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Vũ Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị L phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003689 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Vũ Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Anh